

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST

Ngày 31 tháng 5 năm 2019

“V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông : Nguyễn Võ

2. Ông : Võ Trọng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Vũ Đ sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông Đ có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Đ: Luật sư Phạm Hàn L – văn phòng Luật sư HL, là người thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Luật sư L có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; bà Bùi Thị B sinh năm 1972. Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông T, bà B có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư ông Phạm Văn N - văn phòng luật sư B thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: 87/1, đường N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Luật sư N có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ban quản lý rừng phòng hộ núi VP huyện M'Đrắk. Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

4. *Những người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Vợ chồng ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1955 bà Vũ Thị T, sinh năm 1955.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Vợ chồng ông Đinh Vũ K, bà Nguyễn Thị C. Trú tại: Thôn T, xã T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Huy K, sinh năm 1950. Trú tại: Thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1954. Trú tại: Thôn B, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Minh N. Trú tại: Thôn B, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1953. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1950. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Y G Niê, sinh năm 1974. Vắng mặt.

+ Anh Y N Mlô, sinh năm 1987. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970. Vắng mặt.

+ Ông Y M Hwing, sinh năm 1977. Vắng mặt.

+ Ông Y B Byă, sinh năm 1967. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Buôn M, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2015, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đinh Vũ Đ trình bày:*

Khoảng năm 1989 - 1990 ông Đ nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Vũ Thị T 01 thửa đất diện tích khoảng 4,5 ha tọa lạc tại thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Đ sử dụng trồng muông và bạch đàn. Năm 1999 ông Đ cho vợ chồng ông K một phần đất để canh tác và làm nhà ở. Năm 2000 thì vợ chồng ông K trả lại đất cho ông Đ. Diện tích đất trên ông Đ vẫn canh tác trồng muông và trồng bạch đàn đến năm 2007, trong quá trình sử dụng ông Đ đã đưa diện tích đất trên vào dự án trồng rừng của UBND huyện M và đã có danh sách được cấp và nhận tiền hỗ trợ. Đầu năm 2008 ông Đ trồng keo, đến khoảng tháng 4 năm 2008 ông Đ chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho ông Nguyễn Minh N thì ông T bà B lấn chiếm 8.800m² đất trong tổng số 4,5ha. Trong 8.800m² UBND huyện đã cấp 400m² đất cho vợ chồng ông K, bà C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R-610563 ngày 02/8/2001 nên ông Đ rút yêu cầu đối với phần diện tích này, chỉ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông T phải trả 8.400m² đất lấn chiếm.

** Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị B trình bày:*

Vợ chồng ông T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Vì, năm 2001 vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đinh Vũ K, bà Nguyễn Thị C 01 thửa đất tại thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk có diện tích khoảng 8.800m² (không đo đạc cụ thể). Việc chuyển nhượng có làm giấy tờ viết tay nhưng do thời gian quá lâu nên đã thất lạc. Về nguồn gốc thửa đất trên, trước đây là của ông Đ nhưng ông Đ đã cho vợ chồng ông K, bà C. Khi vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng thửa đất trên của vợ chồng ông K thì có ông Đ là người làm chứng và viết giúp giấy tay sang nhượng. Kể từ khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng ông T trồng keo trên toàn bộ diện tích đất, sử dụng đúng diện tích đất nhận chuyển nhượng và không có ai tranh chấp, ông Đ biết việc sử dụng này và không có ý kiến gì. Đến năm 2015 mới xảy ra tranh chấp.

** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị B, ông Phạm Văn N trình bày:* Thống nhất với ý kiến của bị đơn, Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguồn gốc đất là do vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông K, bà C từ năm 2001, sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng ông T sử dụng đúng diện tích đất nhận chuyển nhượng không có ai tranh chấp, ông Đ biết việc sử dụng này và không có ý kiến gì.

** Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban quản lý rừng phòng hộ núi VP huyện M'Đrăk trả lời theo công văn số 08/CV-BQL ngày 26/3/2019:* Ban quản lý dự án rừng phòng hộ núi VP được thành lập trên cơ sở chuyển từ Ban quản lý dự án trồng rừng huyện M'Đrăk. Về hồ sơ giao đất trồng rừng theo chương trình 327 khi Ban QLDA trồng rừng huyện bàn giao cho Ban QLDA rừng phòng hộ núi VP thì số lượng hồ sơ không đầy đủ, nên không có hồ sơ giao đất trồng rừng của ông Đ. Diện tích 8.400m² đất tranh chấp giữa ông Đ với vợ chồng ông T không nằm trong lâm phần quản lý của đơn vị.

** Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H, ông Đinh Vũ K trình bày:* Năm 2001 ông Đ có cho ông K thửa ruộng có diện tích khoảng 2000m² tọa lạc tại thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó ông K chuyển nhượng cho vợ chồng ông T với giá 1.000.000đồng, do phần ruộng này mang tên ông Đ nên hai bên đã nhờ ông Đ trực tiếp làm giấy tờ với vợ chồng ông T. Ông K chỉ là người nhận tiền, còn thủ tục chuyển nhượng như thế nào ông K không biết, vị trí, tứ cận diện tích đất ông K không rõ (không đo đạc cụ thể). Phần diện tích đất xung quanh không phải của ông K, đất lúc đó vẫn bỏ hoang chưa có ai sử dụng.

** Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 24/12/2018 đối với người làm chứng vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Vũ Thị T trình bày:* Năm 1988 vợ chồng ông M, bà T có khai hoang được một quả đồi diện tích khoảng 4,5ha tại thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, không nhớ ranh giới cụ thể, chỉ nhớ khu vực đó không có ai khác sử dụng. Năm 1989 vợ chồng ông

M chuyển nhượng lại cho ông Đ toàn bộ diện tích đất trên. Năm 1990 vợ chồng ông M chuyển về bắc sinh sống nên không biết việc ông Đ quản lý, sử dụng đất như thế nào.

* Người làm chứng ông Nguyễn Đức V trình bày: Năm 1997 ông V có khai hoang 01 thửa đất kế bên thửa đất hiện nay ông Đ và vợ chồng ông T đang tranh chấp. Khi đó diện tích đất này vẫn bỏ hoang không có người sử dụng. Đến năm 2001 thì vợ chồng ông T sử dụng cho đến nay.

* Người làm chứng ông Nguyễn Minh N trình bày: Năm 2008 ông N có mua của ông Đ thửa đất gần đập thôn N, xã C với số tiền 5.000.000đồng. Khi ông vào làm thì bị ông T tranh chấp nên ông N không mua nữa. Số diện tích đất ở dưới chân đập ông Đ cũng nói bán cho ông N nhưng khi vào làm thì thấy vợ chồng ông T, bà B đang sử dụng.

* Người làm chứng ông Nguyễn Huy K, ông Nguyễn Hữu P, ông Đoàn Văn N trình bày: Năm 1997 có tham gia trồng rừng cho dự án 327 thì có thấy ông Đ trồng rừng tại khu vực tại khu đập xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk diện tích bao nhiêu không rõ.

* Người làm chứng ông Nguyễn Xuân T trình bày: Khoảng năm 2000 – 2001 ông T có nhận chuyển nhượng của ông Đ 2.000m² đất tại thôn N, xã C, huyện M, đến năm 2010 ông T đã chuyển nhượng lại cho người khác toàn bộ diện tích trên. Vì đã chuyển đến nơi khác sinh sống từ lâu, nên ông T không xác định được vị trí, diện tích đất đã nhận chuyển nhượng từ ông Đ ở đâu, có liên quan đến diện tích đất tranh chấp giữa ông Đ với vợ chồng ông T hay không.

* Những người làm chứng gồm ông Y G Niê, anh Y N Mlô, ông Nguyễn Văn T, ông Y M Hwing, ông Y B Byă là những người trồng keo cho ông Đ vào năm 2008, nhưng không nhớ được diện tích và vị trí đã trồng, không biết vị trí diện tích đất tranh chấp ở đâu.

* Nguyên đơn ông Đ; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông L có ý kiến tranh luận: Yêu cầu HĐXX buộc vợ chồng ông T phải trả 8.400m² đất lấn chiếm, tọa lạc tại thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, bởi ông Đ là người đã chứng minh được nguồn gốc sử dụng đất hợp pháp.

* Bị đơn vợ chồng ông T; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông N có ý kiến tranh luận: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do ông T, bà B đã sử dụng ổn định và lâu dài. Đất hiện nay thuộc vùng quy hoạch đất chuyên dùng.

* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

+ Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ HĐXX tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 6, Điều 12, Điều 101, Điều 170, Điều 202, Điều 203 Luật Đất đai 2013: Đình chỉ đối với diện tích 400 m² mà ông Đ có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Vũ Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông T, bà B phải trả lại 8.400m² đất đã lấn chiếm tại thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là “Tranh chấp về quyền sử dụng đất”. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Trong quá trình giải quyết ông Đ có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 400m² đất mà Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk đã cấp cho vợ chồng ông K, bà C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R-610563 ngày 02/8/2001. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu mà ông Đ đã rút.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất với số liệu về diện tích đất tranh chấp tại biên bản thẩm định ngày 10/3/2017 và biên bản định giá ngày 23/3/2007.

Biên bản xem xét, thẩm định ngày 10/3/2007 thể hiện: Thửa đất có diện tích 8.800m² tọa lạc tại thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk hiện nay vợ chồng ông T, bà B đang sử dụng. Có vị trí như sau:

- Phía Đông giáp đất bờ đập 2 gồm 4 cạnh, có độ dài tính từ Nam sang Bắc lần lượt là 21,59m; 7,08m; 32,01m; 27,11m.

- Phía Tây giáp nương ruộng nước bao gồm 7 cạnh có độ dài tính từ Nam sang Bắc lần lượt là 16m; 17,84m; 15,06m; 13,86m; 31,83m; 22,19m; 12,68m.

- Phía Nam giáp đất ông S đang sử dụng gồm 10 cạnh. Trong đó 2 cạnh giáp đất ông Tý có độ dài tính từ Tây sang Đông lần lượt là 30,32m; 29,68m. 08 cạnh

giáp đất ông S đang sử dụng và tranh chấp với ông Đ có độ dài tính từ Tây sang Đông lần lượt là 24,76m; 10m; 11,70m; 23,09m; 11m; 19,21m; 19,65m; 21,95m.

- Phía Bắc giáp nương nước dài 51,24m. (Từ tọa độ X:1406301.63 Y:532765.09 đến tọa độ X:1406273.80 Y:32816.26)

Biên bản định giá tài sản ngày 23/3/2017 thể hiện diện tích đất tranh chấp 8.400m² có giá trị 50.400.000đồng. Tài sản trên đất là 3.780 cây keo dâm hom do vợ chồng ông T bà B trồng, có giá trị 83.160.000đồng.

[2.2] Ông Đ trình bày đất tranh chấp là một phần trong tổng diện tích đất của ông Đ nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông M bà T từ năm 1989-1990. Sau khi nhận chuyển nhượng ông Đ sử dụng ổn định cho đến năm 2008 thì chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn N nên xảy ra tranh chấp, ông Đ đã nhờ chính quyền địa phương giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, qua xác minh tại UBND xã C cung cấp, năm 2015 UBND xã mới tiếp nhận đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp của ông Đ, nên đã tiến hành xác minh, đo đạc và hòa giải tranh chấp giữa ông Đ với vợ chồng ông T bà B.

Những người làm chứng gồm ông Y G Niê, anh Y N Mlô, ông Nguyễn Văn T, ông Y M Hwing, ông Y B Byă chỉ thừa nhận năm 2008 có làm thuê trồng dâm keo cho ông Đ, nhưng không nhớ được diện tích và vị trí đã trồng, do diện tích đất của ông Đ rộng lớn, nên không biết vị trí diện tích đất tranh chấp ở đâu.

Ngoài ra, gia đình ông Đ sau một thời gian sinh sống tại xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2001 ông Đ đã chuyển đến xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Tháng 4/2007 chuyển về lại huyện M sinh sống. Do đó, ông Đ cho rằng đã sử dụng ổn định diện tích đất trên từ năm 1992 đến năm 2008 là không có căn cứ.

[2.3] Ông Đ xác định toàn bộ diện tích tranh chấp nằm trong diện tích 7,2ha mà gia đình ông Đ nhận trồng rừng năm 1997 theo chương trình 327, sau khi ban dự án 327 nghiệm thu thì gia đình ông được nhận tiền theo “danh sách được cấp ứng trồng rừng năm 1997” và được cấp một sổ bìa xanh với thời gian sử dụng 50 năm. Sau đó dự án 327 giải thể thì sổ bìa xanh của ông Đ đã bị dự án 327 thu hồi và bàn giao lại cho Ban dự án rừng phòng hộ núi VP.

Tại công văn số 08/CV-BQL ngày 26/3/2019 của Ban quản lý rừng phòng hộ núi VP huyện M’Đrăk, thì hồ sơ giao đất trồng rừng theo chương trình 327 khi Ban QLDA trồng rừng huyện M’Đrăk bàn giao cho Ban QLDA rừng phòng hộ núi VP không đầy đủ. Do đó, không có hồ sơ giao đất trồng rừng của ông Đ, nên Ban quản lý dự án rừng phòng hộ núi VP không xác định được ông Đ có được giao đất trồng rừng hay có được cấp sổ bìa xanh hay không. Diện tích đất tranh chấp không nằm trong Lâm phần quản lý của cơ quan 661.

[2.4] Tại công văn số 61/CV-TNMT ngày 31/3/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, tỉnh Đắk Lắk: Diện tích 8.800m² đất theo đơn khởi kiện của ông Đ có 400m² diện tích đất tại thửa 397a, tờ bản đồ 15, đã được Ủy ban nhân

dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk đã cấp cho vợ chồng ông K, bà C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R-610563 ngày 02/8/2001. Diện tích 8.400m² còn lại chưa được đo đạc lập bản đồ địa chính, chưa có tổ chức hay cá nhân nào kê khai đăng ký, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Hiện trạng đất hộ ông T đang sử dụng trồng rừng.

Căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất của UBND huyện M giai đoạn năm 2011–2020 thì diện tích đất tranh chấp giữa các đương sự được quy hoạch vào mục đích đất lúa khoảng 2.105m², đất sông suối mặt nước chuyên dùng thuộc đập thủy lợi xã C II khoảng 6.695m².

[2.5] Như vậy, việc giao đất và công nhận quyền sử dụng đất phải đảm bảo nguyên tắc sử dụng đất có hiệu quả, đúng quy định của luật đất đai, phát huy giá trị sử dụng đất cũng như xem xét toàn diện về nguồn gốc, quá trình sử dụng và các chứng cứ do đương sự, cơ quan quản lý đất đai cung cấp. Tuy nhiên, lời khai của các đương sự có nhiều mâu thuẫn, thời gian và quá trình sử dụng không thống nhất, đất đã được chuyển nhượng qua nhiều người, nhiều chủ sử dụng. Do đó, Tòa án thu thập chứng cứ thông qua chính quyền địa phương, cơ quan quản lý để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào công văn trả lời của UBND huyện M và kết quả xác minh tại UBND xã C, là cơ quan quản lý. HĐXX xác định, nguồn gốc 8.400m² đất tranh chấp giữa các đương sự tại: Thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc là đất trồng rừng theo dự án trồng rừng 327. Dự án đã được chuyển giao cho cơ quan 661 quản lý, nhưng cơ quan quản lý không có hồ sơ giao đất trồng rừng như ông Đ đã trình bày. Đến năm 2005 theo rà soát số 64 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì diện tích đất tranh chấp tọa lạc trong phần diện tích đất trồng rừng không đạt hiệu quả, nên đất thuộc dự án trồng rừng 327 được trả lại cho chính quyền địa phương quản lý. Đến năm 2015 khi có tranh chấp xảy ra thì vợ chồng ông T, bà B là người đang quản lý, sử dụng.

Đất tranh chấp giữa các đương sự hiện tại thuộc vùng quy hoạch của UBND huyện M. Trong tổng diện tích 8.400m² đất đang tranh chấp có khoảng 6.695m² đất được quy hoạch sông suối, mặt nước chuyên dùng, thuộc đập thủy lợi C II. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 163 Luật đất đai, loại đất này không được công nhận quyền sử dụng đất cho một cá nhân, hoặc hộ gia đình nào. Số diện tích đất khoảng 2.105m² thuộc vùng quy hoạch trồng lúa nước, cho đến nay đất tranh chấp chưa có một cá nhân hay tổ chức nào kê khai, đăng ký quyền sử dụng. Như vậy, việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự không đủ điều kiện để HĐXX giao cho một ai, bởi đất thuộc vùng quy hoạch, là loại đất chuyên dùng. Số diện tích còn lại nằm trên diện tích quy hoạch trồng lúa nước nhằm mục đích phát triển kinh tế lâu dài của địa phương. Do đó, việc công nhận quyền sử dụng đất cho một trong các đương sự sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quy định của pháp luật, ảnh hưởng

đến quyền và lợi ích chung của cộng đồng sinh sống trên vùng ven đập thủy lợi II xã C và lợi ích phát triển kinh tế lâu dài của chính quyền địa phương trên địa bàn huyện. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 70, khoản 2 Điều 71, Điều 147, Điều 220, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 163, Điều 170, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Vũ Đ đối với diện tích 400m² đất mà Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R-610563 ngày 02/8/2001 cho vợ chồng ông K, bà C mà nguyên đơn đã rút yêu cầu.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Vũ Đ về việc yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị B trả lại diện tích đất là 8.400m² tọa lạc tại thôn N, xã C, huyện M, tỉnh Đắk Lắk:

Thửa đất có vị trí như sau: Hướng Đông giáp đất bờ đập 2 xã C gồm 4 cạnh, có độ dài tính từ Nam sang Bắc lần lượt là 21,59m; 7,08m; 32,01m; 27,11m. Hướng Tây giáp ruộng nước bao gồm 7 cạnh có độ dài tính từ Nam sang Bắc lần lượt là 16m; 17,84m; 15,06m; 13,86m; 31,83m; 22,19m; 12,68m. Hướng Nam giáp đất ông S đang sử dụng gồm 10 cạnh. Trong đó 2 cạnh giáp đất ông T có độ dài tính từ Tây sang Đông lần lượt là 30,32m; 29,68m. 08 cạnh giáp đất ông S đang sử dụng có độ dài tính từ Tây sang Đông lần lượt là 24,76m; 10m; 11,70m; 23,09m; 11m; 19,21m; 19,65m; 21,95m. Hướng Bắc giáp ruộng nước dài 51,24m. (Từ tọa độ X:1406301.63 Y:532765.09 đến tọa độ X:1406273.80 Y:32816.26).

Về án phí: Nguyên đơn ông Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 3.250.000đồng mà ông Đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số AA/2013/32158 ngày 27/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk. Trả lại cho ông Đ 2.950.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- THADS huyện M'Đrắk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Võ Đức Hợi